

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ.**

*The declaration of quality standard of product and goods*

Số: 02 / 2021/ĐH

**Doanh nghiệp: (Manufacture) : CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠT HOÀ.**

**Địa chỉ (address) : LÔ C -1-CN, Đường NA4, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.**

**Điện Thoại (Tel. N<sup>o</sup>) : (84-274) 3556750÷59. Fax: (84-274) 3556760÷65**  
**E - Mail: [info@dathoa.com](mailto:info@dathoa.com)**

**CÔNG BỐ**

*(we hereby declare)*

**Tiêu chuẩn( The standrad N<sup>o</sup>) : TCCS 29 -2021/ĐH**

**Ống tải nước PE (Polyethylene), ống tưới nhỏ giọt PE dùng trong hệ thống tưới nông nghiệp và dẫn nước.**

**Ap dụng cho sản phẩm, hàng hoá ( tên, kiểu loại, mã số hàng hoá) ( for the articles: articles name type, H.S code):**

**Ống tải nước, ống tưới nhỏ giọt PE từ Ø 12 đến Ø 80 mm**

**Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá đúng theo tiêu chuẩn công bố trên.**

*We undertake our products and goods suitable to the above standard.*

**Bình Dương, Ngày 01 tháng 11 năm 2021**  
*(Binhduong date)*

**Đại diện doanh nghiệp( tên và chức vụ)**  
*( Authorized s name position)*

  
**Trưởng Tổng Giám Đốc**  
**Lý Đức Khánh**



**ĐẠT HÒA**

**CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠT HÒA**

☉ Lô C-1-CN, Đường NA4, KCN Mỹ Phước 2, P. Mỹ Phước,  
TX. Bến Cát, Bình Dương. ☎ (84-274) 3556 750-59  
☉ Hotline: 1900 75 75 72 ☎ (84-274) 3556 760-65  
☉ www.dathoa.com.vn ☎ info@dathoa.com.vn



**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**



**TCCS 29– 2021/ ĐH**

**Ống tải nước PE (Polyethylene), ống tưới nhỏ giọt PE dùng trong hệ thống tưới nông nghiệp và dẫn nước.**

Lần soát xét: 02

Ký hiệu TC thay thế : TCCS 29-2018/ĐH

**Bình Dương, Ngày 01 tháng 11 năm 2021**

**Đại diện có thẩm quyền**



**Phó Tổng Giám Đốc  
Lý Đức Khánh**

## Ống tải nước PE (Polyethylene), ống tưới nhỏ giọt PE dùng trong hệ thống tưới nông nghiệp và dẫn nước.

### 1. Phạm vi áp dụng.

- Tiêu chuẩn này áp dụng cho các loại ống tải nước làm bằng nhựa PE, không chôn dưới mặt đất được dùng để bơm dẫn nước trong nông nghiệp và hệ thống tưới tiêu nông nghiệp.
- Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật cho các loại ống tải nước làm bằng nhựa PE (Polyethylene) do Công ty TNHH nhựa Đạt Hòa sản xuất.

### 2. Tiêu chuẩn trích dẫn.

- ASTM D882 Phương pháp xác định độ bền kéo.
- ISO 4427:1,2: 2007 Ống PE dùng cho cấp nước – yêu cầu kỹ thuật.

### 3. Vật liệu.

- 3.1 Vật liệu của ống được sử dụng là nguyên liệu nhựa PE (Polyethylene) và các chất phụ gia làm sao cho phù hợp với mục đích sử dụng của ống.
- 3.2 Cho phép sử dụng lại các loại phế phẩm sinh ra trong quá trình sản xuất cùng nguồn gốc với nhựa đang sản xuất sau khi được làm sạch, nhưng không vượt quá 15%.

### 4. Yêu cầu kỹ thuật.

#### 4.1 Yêu cầu ngoại quan:

- Mô tả: ống có màu đen hoặc màu trắng tùy theo yêu cầu của khách hàng nhưng các tính chất cơ lý của sản phẩm không thay đổi.
- Bề mặt ống phẳng, không khiếm khuyết.
- Bên trong thành ống phẳng không gợn sóng.
- Màu sắc phải đồng nhất so với mẫu chuẩn.

**4.2 Yêu cầu cơ lý:**

**Bảng 1**

Tính chất vật lý.	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Mức chất lượng
Độ bền kéo đứt.	ASTM D882	Mpa	≥13,0
Độ dẫn dài khi đứt.	ASTM D882	%	≥ 350

**4.3 Quy cách ống.**

**Yêu cầu kỹ thuật quy cách ống tải nước PE**

**Bảng 2**

Quy cách	Khô chiều rộng(mm)	Bề dày thành ống (mm)	Áp suất sử dụng (bar)	Áp suất phá nổ (kg/cm <sup>2</sup> )	Chiều dài cuộn (mét)
Ø 21	33 ± 0,2	0,33 ± 0,04	0,6	1,8	200 + 0,5
Ø 25	39 ± 0,2	0,30 ± 0,04	0,6	1,8	200 + 0,5
Ø 27	42 ± 0,2	0,30 ± 0,04	0,6	1,8	200 + 0,5
Ø 34	54 ± 0,2	0,30 ± 0,04	0,5	1,5	200 + 0,5
Ø 42	66 ± 0,3	0,35 ± 0,04	0,5	1,5	200 + 0,5
Ø 50	79 ± 0,3	0,37 ± 0,04	0,4	1,2	200 + 0,5
Ø 63	100 ± 0,3	0,40 ± 0,05	0,4	1,2	200 + 0,5
Ø 76	122 ± 0,3	0,45 ± 0,05	0,4	1,2	200 + 0,5

Trường hợp sản xuất theo yêu cầu khách hàng với các mục đích khác thì qui cách sẽ thay đổi.

**Yêu cầu kỹ thuật quy cách ống tưới phun sương PE**

**Bảng 3**

Quy cách	Khô chiều rộng(mm)	Bề dày thành ống (mm)	Áp suất sử dụng (bar)	Áp suất phá nổ (kg/cm <sup>2</sup> )	Chiều dài cuộn (mét)
Ø 27	48 ± 0,2	0,30 ± 0,04	0,5	1,5	100 + 0,5
Ø 34	58 ± 0,2	0,30 ± 0,04	0,5	1,5	100 + 0,5
Ø 42	69 ± 0,2	0,37 ± 0,04	0,5	1,5	100 + 0,5
Ø 63	100 ± 0,3	0,40 ± 0,04	0,4	1,2	100 + 0,5

**Yêu cầu kỹ thuật quy cách ống tưới nhỏ giọt PE**

**Bảng 4**

Quy cách	Khoảng cách con bộ (mm)	Bề dày thành ống (mm)	Áp suất danh nghĩa PN (bar)	Áp suất sử dụng tối đa (Kg/cm <sup>2</sup> )	Áp suất Phá nổ ( Kg/cm <sup>2</sup> )	Chiều dài cuộn (mét)
Ø 12 x 0,20 mm	200 ± 10	0,20 + 0,04	1,5	2,3	4,5	1,500 + 20
Ø 12 x 0,20 mm	300 ± 15	0,20 + 0,04	1,5	2,3	4,5	1,500 + 20
Ø 12 x 0,30 mm	200 ± 10	0,30 + 0,06	1,5	3,2	7,4	1,000 + 20
Ø 12 x 0,30 mm	300 ± 15	0,30 + 0,06	1,5	3,2	7,4	1,000 + 20
Ø 16 x 0,12 mm	200 ± 10	0,12 + 0,02	0,6	1,1	2,2	2,700 + 20
Ø 16 x 0,12 mm	300 ± 15	0,12 + 0,02	0,6	0,9	1,8	2,700 + 20
Ø 16 x 0,15 mm	200 ± 10	0,15 + 0,03	1,0	1,3	2,6	2,000 + 20
Ø 16 x 0,15 mm	300 ± 15	0,15 + 0,03	1,0	1,4	2,8	2,000 + 20
Ø 16 x 0,20 mm	200 ± 10	0,20 + 0,04	1,0	1,6	3,2	1,200 + 20
Ø 16 x 0,20 mm	300 ± 15	0,20 + 0,04	1,0	1,6	3,2	1,200 + 20
Ø 16 x 0,30 mm	200 ± 10	0,30 + 0,06	1,5	2,5	5,0	900 + 20
Ø 16 x 0,30 mm	300 ± 15	0,30 + 0,06	1,5	2,4	4,8	900 + 20



- Trường hợp sản xuất theo yêu cầu khách hàng với các mục đích khác thì qui cách sẽ thay đổi.
- Các yêu cầu kỹ thuật chi tiết của ống tưới nhỏ giọt được ghi nhận trên bao bì sản phẩm.

## 5 Phương pháp kiểm tra.

### 5.1 Đo kích thước.

Thước cặp dùng để đo phải có độ phân giải  $\leq 0.05\text{mm}$  và dung sai cho phép phải theo **ĐLVN 119:2003**, có tem và giấy chứng nhận hiệu chuẩn định kỳ theo quy định

Khi kiểm tra các chỉ số chiều rộng của ống và bề dày thành ống phải ở trong khoảng sai số cho phép theo bảng 2; bảng 3 và bảng 4 trong bảng yêu cầu kỹ thuật qui cách ống.

### 5.2 Phương pháp đo:

- Xác định đường kính của ống bằng dụng cụ đo.
- Xác định chiều rộng của ống bằng cách tính trung bình số học của bốn lần đo thu được ở các đoạn khác nhau trên mặt cắt ngang của ống hoặc bằng dụng cụ đo.
- Chiều rộng trung bình ( $d_n$ ) của bốn lần đo được tính như sau:

$$d_n = \frac{d_{na} + d_{nb} + d_{nc} + d_{nd}}{4}$$

a, b, c, d: số đo của 04 lần đo chiều rộng ống.

Đo bề dày:

- Đo bề dày 4 điểm đối xứng nhau trên mặt cắt của ống bằng thước panme được hiệu chuẩn.
- Cộng lại các chỉ số đã đo rồi chia cho 4 ra bề dày trung bình của ống.

Bề dày thành ống được kiểm tra sau mỗi cuộn ống hoặc kiểm tra ngẫu nhiên.

Dung sai bề dày ống phù hợp theo grade V của ISO 11922-1:1997.

### 5.3 Đo chiều dài:

5.3.1 Thiết bị đo là thiết bị đếm số hoặc thước đo được định vị trên máy được qui ra chiều dài để đo chiều dài đã được hiệu chuẩn theo mức dung sai cho phép theo **ĐLVN 266:2015**


5.3.2 Chiều dài mét được qui định 50, 100 hoặc 200 mét v.v..., nhưng chiều dài cũng có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng.

**Ghi chú:** Chỉ tiêu kích thước và kiểm tra ngoại quan được đo thường xuyên trong một ca sản xuất và tối thiểu không dưới 3 lần /lô.

## 6. In ấn, bảo quản và vận chuyển.

6.1 Nhãn sở hữu phải có nội dung phù hợp theo nghị định số : 89/2006/NĐ-CP Ngày 30/08/2006 và các văn bản hiện hành khác của nhà nước.

6.2 Chữ in hoặc nhãn in được thể hiện trên sản phẩm ống và hoặc trên bao bì với nội dung thể hiện như sau:

- Nhãn sở hữu Công Ty 
- Tên Công Ty.
- Địa chỉ Công Ty.
- Tên sản phẩm.
- Quy cách ống.
- Mục đích của ống
- Ngày/Lô sản xuất.
- Số mét.

**6.3 Bảo quản.**

- Ống được bảo quản ở nơi thoáng mát, có mái che Ống được đóng gói bảo vệ bằng bao bì giấy hoặc bao bì nhựa phủ bên ngoài cuộn ống và được bảo quản ở trong kho.
- Mặt nền nơi để sản phẩm phải bằng phẳng sắp xếp làm sao cho sản phẩm không lăn đổ, không được chất chồng lên cao quá 02 mét và đặt biệt phải chú ý về mặt an toàn
- Sản phẩm được sắp xếp thành từng dãy riêng và treo bằng nhận dạng.

**6.4 Xếp dỡ, vận chuyển.**

- Sản phẩm được vận chuyển cẩn thận nhằm tránh lỗi kéo tổn hại đến bề mặt ống.
- Đối với các cuộn ống có kích thước nặng dùng xe nâng hoặc xe chuyên dụng để lên hoặc xuống xe khi giao hàng.




**PHIẾU THÔNG BÁO THAY ĐỔI TÀI LIỆU**

Bộ phận: Phòng thử nghiệm

Tên tài liệu: TCCS 29 – 2021/ĐH : Ống tải nước PE ( Polyethylene), ống tưới nhỏ giọt PE dùng trong hệ thống tưới nông nghiệp và dẫn nước

Ngày/Lần soát xét: 06-12-2018/01

(TCCS)

Lần soát xét	Nội dung thay đổi	Ngày sửa đổi/số	Người phê duyệt	Ghi chú
02	Xây dựng lại tiêu chuẩn cho phù hợp với sản phẩm sản xuất thực tế tại công ty (như độ bền kéo, áp suất phá nổ...)	01/11/2021/02	 <b>Trưởng Tổng Giám Đốc</b> <b>Lý Đức Khánh</b>	